

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 155, 156, 157, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 500, Điều 501 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31/01/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Minh T**; sinh năm: 1991; địa chỉ: **Số D N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện hợp pháp của ông **Đỗ Minh T** là ông **Cao Huy T1** – Đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023).

Bị đơn: ông **Nguyễn Đình N**; sinh năm: 1971; Trú tại: **Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Hữu P**; sinh năm: 1984 và bà **Trần Thị Hằng N1**; sinh năm: 1989; Địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**; (Bà **Trần Thị Hằng N1** đã ủy quyền cho ông **Nguyễn Hữu P** ngày 04/01/2024);

2. Bà **Trần Thị Ngọc O**; sinh năm: 1981; Địa chỉ: **Số H, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**;

3. Bà **Hồ Thị Cẩm N2**; sinh năm: 1993; Địa chỉ: **Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Nguyễn Đình N** có nghĩa vụ trả cho ông **Đỗ Minh T** số tiền 158.000.000đ (một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông **Nguyễn Đình N** phải chịu 3.950.000đ (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Đỗ Minh T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông **Đỗ Minh T** 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013831 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Về chi phí tố tụng: Ông **Đỗ Minh T** nhận chịu hết số tiền chi phí tố tụng (chi phí đo đạc và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ) tổng cộng 3.416.000đ (ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng), Ông **T** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phúc

